

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 ngày 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 ngày 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử
dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 2111/TTr-SNN ngày 31/12/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh gồm chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.



Điều 3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021

1. Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa tưới tiêu bằng động lực: 1.646.000 đồng/ha/vụ.

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá trên.
- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá trên.
- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% mức giá trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới bằng 70%, mức giá cho tiêu bằng 30% mức giá trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa/vụ.

3. Mức giá đối với cấp nước nuôi trồng thủy sản là: 250 đồng/m² mặt thoáng/năm.

4. Mức giá cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu được tính bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

5. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

6. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức có liên quan, thực hiện kiểm tra, thanh tra việc kê khai, sử dụng giá sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính tổng hợp dự toán, quyết toán chi ngân sách kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và bãi bỏ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết thi hành././

Nơi nhận: *nd*

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; Công TTĐT;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Qua
Vương Quốc Tuấn